TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 23 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hải - Giáo viên.
Ông Lê Hồng Thức - Bí thư Đoàn xã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024; Đối với các bị cáo:

- Họ và tên: Tạ Văn Th, sinh ngày 02/12/2000 tại thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố Chiềng B, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn Ph và Vì Thị H; Có vợ là Lê Thị Thu H và 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/11/2023 đến ngày 17/11/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; Có mặt.

- Họ và tên: Hoàng Đức Tr, sinh ngày 08/7/2005 tại thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Đức T và Nguyễn Thị Nh; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/11/2023 đến ngày 09/11/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay; Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Lê Văn Q, sinh ngày 11/9/2003; Trú tại: Thôn S, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Lê Văn L, sinh ngày 13/5/2004; Trú tại: Thôn S, xã Tân Ph, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Vi Đăng H, sinh ngày 08/10/2008; trú tại: Bản H, xã Tr, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Hoàng Tuấn V, sinh ngày 10/02/2002; Trú tại: Khu phố Chiềng B, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Minh Q, sinh ngày 29/11/2002; Trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Phạm Công Th, sinh ngày 06/9/2006; Trú tại: Khu phố Ng, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Ngân Thị C, sinh ngày 05/11/2007; Trú tại: Bản N, xã Tr, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Huyền Th, sinh ngày 28/7/2005; Trú tại: Thôn Kh, xã Gi, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Phương Th1, sinh ngày 27/8/2006; Trú tại: Khu phố Ch, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Lê Anh Tr, sinh ngày 02/6/2007; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Lương Anh S, sinh ngày 14/5/2006; Trú tại: Bản T, xã L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Vi Thị Thu Ph, sinh ngày 16/7/2007; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Minh Kh, sinh ngày 01/5/2007; Trú tại: Thôn X, xã Đồng L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Trương Châu A, sinh ngày 06/11/2007; Trú tại: Bản Ch, xã L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Chị Lò Thị Huyền Th, sinh ngày 22/10/2007; Trú tại: Bản Ng, xã Y, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Quốc K, sinh ngày 05/6/2007; Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Vi Dương Đình S, sinh ngày 06/3/2003; Trú tại: Bản C, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Lò Văn V, sinh ngày 13/7/2006; Trú tại: Bản T, xã L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Lương Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2007; Trú tại: Bản Ng, xã Y, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Ch, sinh ngày 11/7/2006; Trú tại: Bản E, xã Tr, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Duy T, sinh ngày 31/10/2007; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Khánh H, sinh ngày 07/12/2007; Trú tại: Thôn C, xã Đồng

L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Bùi Đại L, sinh ngày 23/8/2006; Trú tại: Khu phố Ng, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Phương Th2, sinh ngày 25/7/2005; Trú tại: Thôn S, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Lê Đức A, sinh ngày 30/5/2006; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Vi Thị Tương H, sinh ngày 20/11/2006; Trú tại: Bản Ng, xã Y, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Hoàng Huy Nh, sinh ngày 06/12/2005; Trú tại: Thôn P, xã G, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn D, sinh ngày 25/6/2006; Trú tại: Thôn Ngh, xã G, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Lê Anh K, sinh ngày 14/02/2007; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Ngọc V, sinh ngày 14/7/2007; Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Thanh L, sinh ngày 21/10/2006; Trú tại: Thôn Ch, xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp; người giám hộ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Người đại diện hợp pháp của Vi Đăng H: Anh Vi Đăng H, sinh năm 1986; trú tại: Bản H, xã Tr, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là bố đẻ của Vi Đăng H); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Phạm Công Th: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1981; trú tại: Khu phố Ng, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là bố đẻ của Phạm Công Th); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người giám hộ của Ngân Thị C: Chị Ngân Thị Ch, sinh năm 2004; trú tại: Bản N, xã Trí N, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là chị gái của Ngân Thị C); vắng mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của Lê Thị Phương Th1: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1976; trú tại: Khu phố Ch, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là bố đẻ của Lê Thị Phương Th1); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Lê Anh Tr: Chị Lê Thị D, sinh năm 1989; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là me đẻ của Lê Anh Tr); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Lương Anh S: Chị Lữ Thị G, sinh năm 1983; trú tại: Bản T, xã L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Lương Anh S); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Vi Thị Thu Ph: Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1986; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là bố đẻ của Vi Thị Thu Ph); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Phạm Minh Kh: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1973; trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Phạm Minh Kh); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Trương Châu A: Chị Phạm Ánh Ng, sinh năm 1981; trú tại: Bản Ch, xã L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Trương Châu A); vắng mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của Lò Thị Huyền Th: Chị Vi Thị H, sinh năm 1983; trú tại: Bản Ng, xã Yên Th, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Lò Thị Huyền Th); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người giám hộ của Phạm Quốc K: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1973; trú tại: Thôn Xuốm Ch, xã Đ, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là bác ruột của Phạm Quốc K); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Lò Văn V: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1980; trú tại: Bản T, xã L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Lò Văn V); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Lương Thị Quỳnh Nh: Chị Lò Thị H, sinh năm 1988; trú tại: Bản Ng, xã Y, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Lương Thị Quỳnh Nh); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người giám hộ của Lê Thị Ch: Anh Lê Phi Q, sinh năm 1999; trú tại: Bản E, xã Tr, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là anh trai của Lê Thị Ch); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người giám hộ của Lê Thị Duy T: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1988; trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là dì ruột của Lê Thị Duy T); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Khánh H: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1974; trú tại: Bản C, xã Đ, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Nguyễn Khánh H); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Bùi Đại L: Chị Lê Thị H, sinh năm 1973; trú tại: Khu phố Ng, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Bùi Đại L); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người giám hộ của Lê Đức A: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1954; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là bà nội của Lê Đức Anh); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người giám hộ của Vi Thị Tương H: Chị Vi Thị Th, sinh năm 1998; trú tại: Bản Ng, xã Y, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là chị ruột của Vi Thị Tương H); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Phạm Văn D: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Ngh, xã Gi, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của Phạm Văn D); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người giám hộ của Lê Anh K: Bà Cao Thị V, sinh năm 1957; trú tại: Thôn Tân Th, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là bà nội của Lê Anh K); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Phạm Ngọc V: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là mẹ đẻ của

Phạm Ngọc V); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người đại diện hợp pháp của Phạm Thanh L: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Ch, xã Đồng L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Là bố đẻ của Phạm Thanh L); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Chị Hà Thị Th, sinh năm 1982; trú tại: Bản H, xã Tr, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Hà Văn T, sinh năm 1975; trú tại: Thôn Kh 1, xã G, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Tống Đức A, sinh ngày 03/12/2005; trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Lê Văn S, sinh ngày 03/02/2004; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn Q, sinh ngày 11/12/2007; trú tại: Khu phố Ng, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

(Người đại diện hợp pháp cho Phạm Văn Q là anh Phạm Văn Ch, sinh năm 1981 - bố đẻ của Q); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 11 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Lang Chánh, nhận được trình báo của công dân về việc Tạ Văn Th, sinh năm 2000, đã cùng với Hoàng Đức Tr, sinh năm 2005, cùng trú tại: Thị trấn L, huyện Lang Chánh có hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cơ quan CSĐT đã tiến hành thông báo truy tìm những người đã vay tiền của Th và Trung. Đồng thời tiến hành sao kê tài khoản của Th, Tr tại các Ngân hàng TMCP Kỹ thương Viêt Nam, Ngân hành TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, có liên quan đến hành vi cho vay và thu tiền lãi của người vay theo khai báo của Tr. Qua đối chiếu các lần chuyển khoản của Tr, Th hoàn toàn phù hợp với lời khai của người vay về thời gian, số tiền vay và tiền lãi đã trả.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Từ đầu tháng 11 năm 2022, Th cùng với Tr đã bàn bạc, thống nhất việc cho vay tiền lấy lãi. Đối tượng mà Th và Tr cho vay chủ yếu là học sinh, thanh thiếu niên trên địa bàn huyện Lang Chánh. Số tiền gốc ban đầu do Th bỏ ra khoảng 15.000.000đ, Trung là người trực tiếp đứng ra cho vay, thu hồi tiền gốc, tiền lãi và có trách nhiệm ghi chép, theo dõi việc cho vay, định kỳ báo lại cho Th để đối chiếu, kiểm soát việc cho vay cũng như tiền lãi đã thu được. Sau đó, Th và Tr thống nhất cho mỗi người vay từ vài trăm nghìn đồng đến vài triệu đồng, lãi suất từ 120.000đ đến 300.000đ/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi suất từ 144% đến 360%/năm (cao gấp 7,2 lần đến 18 lần lãi suất tối đa 20% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự), thu tiền lãi tháng đầu tiên trước, số tiền này sẽ được trừ trực tiếp vào số tiền gốc của người vay, các tháng sau thu lãi vào ngày trùng của tháng trước, nếu người vay chậm trả lãi sẽ bị phạt 10.000đ/ngày/1.000.000đ. Khi thu được tiền lãi của người vay trước sẽ dùng số tiền

này cho những người sau vay nếu hết Th sẽ đưa thêm tiền cho Tr bổ sung vào tiền lãi đã thu được để tiếp tục cho vay. Nghe vậy, Tr đồng ý rồi cùng Th thực hiện việc cho vay và 02 bên thống nhất sau khi thu được tiền lãi hằng tháng Th trả cho Tr 2.000.000đ/tháng. Số tiền cho vay, lãi suất tùy theo mối quan hệ quen biết và chỉ cho vay số tiền chỉ từ vài trăm nghìn đồng đến vài triệu đồng để khi người vay không trả Th và Tr sẽ đến nhà hỏi bố mẹ của những người vay. Khi vay tiền, người vay viết vào giấy vay do Tr chuẩn bị từ trước, ghi thông tin cá nhân, ngày tháng năm, số tiền vay, không ghi lãi suất và giữ lại căn cước công dân để đảm bảo việc trả nợ. Việc giao nhận tiền vay, tiền lãi được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng mà Th, Tr sử dụng với những người vay và ngược lại hoặc đưa tiền mặt.

Từ tháng 11/2022 đến tháng 11/2023, Th và Tr đã cho 31 người vay/68 lượt vay, việc vay và trả tiền cụ thể như sau:

1. Lê Văn Q vay tiền tổng cộng 04 lần:

- Lần vay 1: Ngày 15/11/2022 vay số tiền 2.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Lê Văn Q được nhận số tiền 1.400.000đ, bị cắt trước lãi 1 tháng với số tiền là 600.000đ. Đối với khoản vay này tháng 5/2023 thì Q đã trả tiền gốc. Trong đó: Tiền lãi 3.000.000đ; Tiền phạt trả chậm là 800.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 05 tháng

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định = (Tiền gốc: 12 tháng) x 5 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 5 x 20% = 166.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 3.000.000đ –166.667đ = 2.833.333đ.

- Lần vay 2: Ngày 03/5/2023 vay số tiền 1.000.000đ. Lê Văn Quyến được nhận số tiền 700.000đ, bị cắt trước lãi 1 tháng với số tiền là 300.000đ.

Đối với khoản vay này Q chưa trả tiền gốc và đã trả lãi đến tháng 8/2023. Số tiền lãi đã trả với tổng số tiền 900.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 03 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 3 x 20% = 50.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ - 50.000đ = 850.000đ.

- Lần vay 3: Ngày 13/5/2023 vay số tiền 1.000.000đ. Lê Văn Q được nhận 700.000đ, bị cắt trước lãi 1 tháng với số tiền là 300.000đ.

Đối với khoản vay này Q chưa trả tiền gốc và đã trả lãi đến tháng 8/2023. Số tiền lãi đã trả với tổng số tiền 900.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 03 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 3 x 20% = 50.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ - 50.000đ = 850.000đ.

- Lần vay 4: Tháng 6/2023 vay số tiền 1.000.000đ. Lê Văn Q được nhận 1.000.000đ tiền mặt, không bị cắt trước lãi trước.

Đối với khoản vay này Q chưa trả tiền gốc và đã trả lãi đến tháng 8/2023, số tiền lãi đã trả là 600.000đ.

Lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ –33.333đ = 566.667đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Văn Q:

- Hiện nay Lê Văn Q vẫn đang nợ lại gốc ở các lần vay 2, 3, 4 với tổng số tiền là: 3.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 166.667đ+ 50.000đ + 50.000đ + 33.333đ = 300.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 2.833.333đ + 850.000đ + 850.000đ + 566.667đ = 5.100.000đ.

- Tổng cộng tiền phạt trả chậm: 800.000đ.

2. Lê Văn L vay tiền tổng cộng 04 lần, các lần như sau:

- Lần vay 1: Tháng 11/2022 vay số tiền 2.000.000đ. Lê Văn L được nhận 1.400.000đ tiền mặt, bị cắt trước lãi 1 tháng với số tiền là 600.000đ.

Đối với khoản vay này, ngày 16/12/2022 anh L đã trả tiền gốc. Trong đó tiền lãi 600.000 đồng.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 1 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.333đ = 566.667đ.

- Lần vay 2: Tháng 02/2023 vay số tiền 2.000.000đ. Lê Văn L được nhận 1.400.000đ, bị cắt trước lãi 1 tháng với số tiền là 600.000đ.

Đối với khoản vay này, ngày 18/4/2023 thì anh L đã trả tiền gốc. Tổng cộng tiền lãi 1.200.000đ; Tiền phạt trả chậm là 400.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 66.666đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.200.000đ –66.666đ = 1.133.334đ.

Lần vay 3: Ngày 18/4/2023 vay số tiền 2.000.000đ. Lê Văn L được nhận 1.400.000đ, bị cắt trước lãi 1 tháng với số tiền là 600.000đ.

Đối với khoản vay này đến ngày 11/8/2023 L đã trả tiền gốc. Trong đó: Tiền lãi 6.600.000đ; Tiền phạt trả chậm là 300.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 5 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 5 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 5 x 20% = 166.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 6.600.000đ –166.667đ = 6.433.333đ.

+ Tiền phạt do trả lãi chậm là 300.000đ.

- Lần vay 4: Ngày 15/8/2023 vay của Tạ Văn Th số tiền 2.000.000đ. Sau đó Th chuyển khoản cho L số tiền 1.400.000đ, cắt lãi trước 1 tháng 600.000đ.

Đối với khoản vay này L chưa trả tiền gốc và đã trả lãi đến tháng 9/2023 mỗi tháng 600.000đ. Số tiền lãi đã trả: 600.000đ x 2 = 1.200.000đ.

Lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng x 2 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 66.666đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.200.000đ –66.666đ = 1.133.334đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Văn L:

- Hiện Lê Văn L vẫn đang nợ lại gốc ở lần vay thứ 4 với số tiền là: 2.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 33.333đ + 66.666đ + 166.667đ + 66.666đ = 333.332đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 566.667đ + 1.133.334đ + 6.433.333đ + 1.133.334đ = 9.266.668đ.

- Tiền phạt của tất cả các khoản vay: 700.000đ.

3. Vi Đăng H vay tiền 01 lần, như sau: Vào tháng 11/2022 vay của Hoàng Đức Tr số tiền 1.000.000đ. Sau đó Trung đã đưa cho H 700.000đ tiền mặt, cắt trước lãi 1 tháng với số tiền là 300.000đ.

Đối với khoản vay thì H chưa trả tiền gốc cho Hoàng Đức Tr và không trả được thêm tháng lãi nào cho Tr. Số tiền lãi đã trả là 300.000 đồng.

Như vậy đối với các khoản vay của Vi Đăng H:

- Thời gian trả lãi: 01 tháng.

- Hiện nay H chưa trả gốc cho Tr, số tiền gốc đã vay là 1.000.000đ.

- Tổng tiền lãi đã trả là 300.000đ.

- Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 16.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 300.000đ – 16.667đ = 283.333đ.

4. Hoàng Tuấn V vay tiền tổng cộng 03 lần, các lần như sau:

- Lần vay 1: Ngày 17/12/2022 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 1.200.000đ/10.000.000đ/tháng. Sau đó Th, Tr đã chuyển cho V 10.000.000đ, không cắt lãi.

Đối với khoản vay này ngày 17/07/2023 thì V đã trả tiền gốc. Trong đó: Tiền lãi 7.200.000 đồng.

Tiền lãi suất khoản vay:

+ Thời gian trả lãi: 6 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 6 tháng x 20% = (10.000.000đ : 12) x 6 x 20% = 1.000.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 7.200.000đ – 1.000.000đ = 6.200.000đ.

- Lần vay 2: Ngày 03/05/2023 vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất thỏa thuận như lần vay thứ nhất. Hoàng Tuấn V nhận 17.600.000đ, bị cắt lãi tháng đầu tiên 2.400.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 17/07/2023 thì Vũ đã trả tiền gốc. Trong đó: Tiền lãi 4.800.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay:

+ Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (20.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 666.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 4.800.000đ –666.667đ = 4.133.333đ.

Lần vay 3: Ngày 19/05/2023 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận như lần vay thứ nhất và thứ 2. Hoàng Tuấn V được nhận 8.800.000 đồng, bị cắt lãi tháng đầu tiên 1.200.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 17/07/2023 thì V đã trả tiền gốc. Trong đó: Tiền lãi 2.400.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (10.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 333.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 2.400.000đ –333.333đ = 2.066.667đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Hoàng Tuấn V:

- Hiện Hoàng Tuấn V không còn nợ gốc và đã trả hết nợ gốc 3 lần vay tổng là: 40.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 1.000.000đ + 666.667đ + 333.333đ = 2.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 6.200.000đ + 4.133.333đ + 2.066.667đ = 12.400.000đ.

5. Phạm Minh Q vay tiền tổng cộng 05 lần, các lần như sau:

- Lần vay 1: Tháng 12/2022 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 200.000đ/triệu/tháng. Sau đó Trung đã chuyển cho Q 800.000đ, cắt lãi 200.000đ.

Đối với khoản vay này trong tháng 12/2022 thì Q đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó: Tiền lãi 200.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 1 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 16.667đ

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 200.000đ – 16.667đ = 183.333đ.

- Lần vay 2: Tháng 02/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr đã chuyển cho 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này đến ngày 06/03/2023 thì Q đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó: Tiền lãi 300.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 1 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 16.667đ

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 300.000đ – 16.667đ = 283.333đ.

- Lần vay 3: Ngày 16/03/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận như lần vay thứ 2. Sau đó Tr đã chuyển cho Q 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này đến ngày 08/04/2023 thì Q đã trả tiền gốc cho Tr và được Tr giảm tiền gốc xuống 300.000đ chỉ phải trả 700.000đ. Trong đó: Tiền lãi thực tế phải trả là 600.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.333đ = 566.667đ.

- Lần vay 4: Ngày 01/05/2023 vay của Tr số tiền 2.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 250.000đ/triệu/tháng, nếu trả chậm sẽ bị phạt thêm 10.000đ/triệu/ngày. Sau đó Tr đã chuyển cho Q 1.500.000 đồng, cắt lãi tháng đầu tiên 500.000đ.

Đối với khoản vay này Q chưa trả tiền gốc và đã trả lãi đến ngày 14/07/2023 *(03 tháng)* mỗi tháng tháng 500.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả: 500.000đ x 3 = 1.500.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 3 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 3 x 20% = 100.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.500.000đ –100.000đ = 1.400.000đ.

- Lần vay 5: Tháng 06/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr đã chuyển cho 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này Q chưa trả tiền gốc và đã trả lãi đến ngày 14/07/2023 mỗi tháng tháng 300.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả: 300.000đ x 2 = 600.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.333đ = 566.667đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Phạm Minh Q:

- Hiện Phạm Minh Q vẫn đang nợ lại gốc ở lần vay 4 và 5 với tổng số tiền là: 3.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 16.667đ + 16.667đ + 33.333đ + 100.000đ + 33.333đ = 200.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 183.333đ + 283.333đ + 566.667đ + 1.400.000đ +566.667đ = 3.000.000đ.

6. Phạm Công Th vay tiền tổng cộng 02 lần, các lần như sau:

Lần vay 1: Ngày 30/12/2022 vay của Tr số tiền 2.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr đã chuyển cho Th 1.500.000đ, cắt lãi 500.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 31/01/2023 thì Th đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi là 1.100.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (2.000.000đ: 12) x 2 x 20% = 66.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.100.000đ –66.667đ = 1.033.333đ.

- Lần vay 2: Tháng 04/2022 vay của Tr số tiền 2.000.000đ. Sau đó Tr đã chuyển cho Th 1.500.000 đồng, cắt lãi 500.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 06/2023 thì Th đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi là 1.400.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 3 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng x 3 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 3 x 20% = 100.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.400.000đ –100.000đ = 1.300.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Phạm Công Th:

- Hiện Phạm Công Th không còn nợ Tr và đã trả hết nợ gốc 2 lần vay tổng là: 4.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 66.667đ + 100.000đ = 166.667đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.033.333đ + 1.300.000đ = 2.333.333đ.

7. Ngân Thị C vay tiền tổng cộng 07 lần, các lần như sau:

- Lần vay 1: Ngày 03/01/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Trg đã đưa cho C 1.000.000đ, không cắt lãi trước.

Đối với khoản vay này ngày 16/03/2023 thì C đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi 300.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 1 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 16.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 300.000đ –16.667đ = 283.333đ.

- Lần vay 2: Ngày 03/02/2023 vay của Tr 1.000.000đ. Sau đó Tr chuyển cho C 400.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ và 300.000đ trả lãi lần vay 1.

Đối với khoản vay này ngày 16/03/2023 thì C đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi 300.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2x 20% = 33.334đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ –33.334đ = 566.666đ.

Lần vay 3: Cuối tháng 02/2023 vay của Tr 1.000.000đ. Sau đó Tr đã đưa cho Cần 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 04/2023 thì Cần đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi 600.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.334đ = 566.667đ.

- Lần vay 4: Ngày 14/3/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất và trả chậm sẽ bị phạt như 03 lần vay trên. Sau đó Tr đã đưa cho Cần 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 26/06/2023 thì C đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi 900.000 đồng.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.334đ = 566.667đ.

- Lần vay 5: Ngày 13/04/2023 vay của Tr 2.000.000đ. Sau đó Tr đã đưa cho C 1.500.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 500.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 26/06/2023 thì C đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi là 1.100.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 66.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.200.000đ –66.667đ = 1.033.333đ.

- Lần vay 6: Ngày 18/05/2023 vay của Tr 1.000.000đ. Sau đó Tr đã đưa cho C 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này C chưa trả tiền gốc cho Tr. Tổng cộng số tiền tiền lãi đã trả là 600.000 đồng.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.334đ = 566.667đ.

- Lần vay 7: Ngày 20/05/2023 vay của Tr 1.000.000đ. Sau đó Tr đã đưa cho C 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này C chưa trả tiền gốc cho Tr. Tổng cộng số tiền tiền lãi đã trả là 600.000đ và 50.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.334đ = 566.667đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Ngân Thị C:

- Hiện Ngân Thị C vẫn đang nợ lại gốc ở lần vay thứ 6 và 7 với tổng số tiền là: 2.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 16.667đ + 33.334đ + 33.334đ + 33.333đ + 66.667đ + 33.333đ + 33.333đ = 250.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 283.000đ + 566.666đ + 566.667đ + 566.667đ + 1.033.333đ + 566.667đ + 566.667đ = 4.150.000đ.

- Tiền phạt do trả lãi chậm là 50.000đ.

8. Phạm Thị Huyền Th vay tiền tổng cộng 02 lần, các lần như sau:

- Lần vay 1: Ngày 09/01/2023 vay của Tr 500.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Th 350.000đ, cắt lãi tháng đầu tiền 150.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 04/2023 thì Th đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi 450.000đ và 100.000đ tiền phạt do đóng lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 3 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 3 x 20% = 25.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 450.000đ – 25.000đ = 425.000đ.

- Lần vay 2: Ngày 13/01/2023 vay của Tr 1.000.000đ. Sau đó Tr chuyển cho Th 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiền 300.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 05/2023 thì Th đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi 900.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 3 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 3 x 20% = 50.000đ.

+ Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ – 50.000đ = 850.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Phạm Thị Huyền Th:

- Hiện Phạm Thị Huyền Th không còn nợ Tr và đã trả hết nợ gốc 2 lần vay.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 25.000đ + 50.000đ = 75.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 425.000đ + 850.000đ = 1.275.000đ.

- Tiền phạt trả lãi chậm là 100.000đ

9. Lê Thị Phương Th1 vay tiền 01 lần như sau: Tháng 01/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Th1 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiền 300.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 02/2023 thì Th1 đã trả tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi 300.000 đồng.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Thị Phương Th1:

- Hiện Th1 không còn nợ Tr và đã trả hết nợ gốc vay.

+ Thời gian trả lãi: 1 tháng

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 16.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 300.000đ – 16.667đ = 283.333đ.

10. Lê Anh Tr vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 02/01/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Tr 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này Tr chưa trả tiền gốc cho Tr. Tổng cộng số tiền tiền lãi đã trả là 2.400.000 đồng.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 8 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 8 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 8 x 20% = 133.333đ.

+ Tiền lãi thu lợi bất chính = Tiền lãi - Tiền lãi hợp pháp = 2.400.000đ – 133.333đ = 2.266.667đ.

- Lần vay 2: Ngày 15/05/2023 vay của Tr 1.000.000đ. Sau đó Tr chuyển cho Trà 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này Tr chưa trả tiền gốc cho Tr. Tổng cộng số tiền tiền lãi đã trả là 1.500.000đ và 20.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 5 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 5 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 5 x 20% = 83.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.500.000đ –83.333đ = 1.416.667đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Anh Tr:

- Hiện Lê Anh Tr vẫn đang nợ lại gốc ở lần vay 1 và 2 với tổng số tiền là: 2.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 133.333đ + 83.333đ = 216.666đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 2.266.667đ + 1.416.667đ = 3.683.334 đồng.

- Tiền phạt do trả lãi chậm là 20.000đ.

11. Lương Anh S vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Tháng 02/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Sơn 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 29/08/2023 S đã trả hết tiền gốc Tr. Tổng cộng số tiền tiền lãi đã trả là 2.100.000đ và 140.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 7 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 7 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 7 x 20% = 116.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 2.100.000đ –116.667đ = 1.983.333đ.

- Lần vay 2: Tháng 03/2023 vay của Tr 1.000.000đ. Sau đó Tr chuyển cho S 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiền 300.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 09/2023 S đã trả hết tiền gốc cho Tr. Tổng cộng số tiền tiền lãi đã trả là 1.800.000đ và 50.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 6 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 6 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 6 x 20% = 1.000.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.800.000đ –100.000đ = 1.700.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lương Anh S:

- Hiện Lương Anh S không còn nợ Tr và đã trả hết nợ gốc vay là: 2.000.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 116.667đ + 100.000đ = 216.667đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.983.333đ + 1.700.000đ = 3.683.333đ.

- Tiền phạt do trả lãi chậm là 190.000đ.

12. Vi Thị Thu Ph vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 15/02/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Ph 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 04/2023 Ph đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 800.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 2 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 800.000đ – 33.333đ = 766.667đ.

- Lần vay 2: Tháng 03/2023 vay của Tr 1.500.000 đồng. Sau đó Tr chuyển cho Ph 1.050.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 450.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 07/2023 Ph đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 1.800.000đ và 400.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 4 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 4 tháng x 20% = (1.500.000đ : 12) x 4 x 20% = 100.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.800.000đ –100.000đ = 1.700.000đ.

- Lần vay 3: Tháng 04/2023 vay của Tr 3.000.000 đồng. Sau đó Tr đưa cho Ph 2.100.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 900.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 04/2023, Ph đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 900.000 đồng.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 1 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 50.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ – 50.000đ = 850.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Vi Thị Thu Ph:

- Hiện Vi Thị Thu Ph không còn nợ Tr.

- Tổng cộng tiền lãi mà Ph đã trả cho Tr là 3.500.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 33.333đ + 100.000đ + 50.000đ = 183.333đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 766.667đ + 1.700.000đ + 850.000đ = 3.316.667đ.

- Tiền phạt do trả lãi chậm là 400.000đ.

13. Phạm Minh Kh vay tiền 01 lần, cụ thể như sau: Tháng 03/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Kh 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiền 300.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 05/2023 Kh đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 900.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian vay: 03 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 3 x 20% = 50.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ – 50.000đ = 850.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Phạm Minh Kh:

- Hiện Phạm Minh Kh không còn nợ Tr, đã trả hết nợ gốc vay.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất: 50.000 đồng.

- Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 850.000 đồng.

14. Trương Châu A vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 17/3/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Châu A 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 13/7/2023 Trương Châu A đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 900.000đ và 50.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 03 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 x 20% = (1.000.000đ : 12) x 3x 20% = 50.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ – 50.000đ = 850.000đ.

- Lần vay 2: Ngày 19/05/2023 vay của Tr 1.000.000 đồng. Sau đó Tr chuyển cho Châu A 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 13/07/2023 Trương Châu A đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 600.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 02 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.333đ = 566.667đ.

- Lần vay 3: Ngày 25/05/2023 vay của Tr 700.000đ với lãi suất thỏa thuận 200.000đ/700.000đ/tháng *(tương đương 342%/năm)*. Sau đó Tr chuyển cho Châu A 500.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 200.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 13/07/2023 Trương Châu A đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 200.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (700.000đ : 12) x 1x 20% = 11.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 200.000đ – 11.667đ = 188.333đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Trương Châu A:

- Hiện Trương Châu A không còn nợ Trung, đã trả hết nợ gốc vay.

- Tổng tiền lãi đã trả là 1.700.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: 50.000đ + 33.333đ + 11.667đ = 95.000đ.

- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 850.000đ + 566.667đ + 183.333đ = 1.605.000đ.

- Tiền phạt do trã lãi chậm là 50.000đ.

15. Lò Thị Huyền Th vay tiền 01 lần, cụ thể như sau: Ngày 20/03/2023 vay của Tr 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Th 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này Th chưa trả gốc và đã trả lãi đến tháng 09/2023. Tổng cộng số tiền tiền lãi đã trả là 2.100.000đ,

Như vậy đối với các khoản vay của Lò Thị Huyền Th:

- Hiện Lò Thị Huyền Th đang còn vay của Tr số tiền gốc là 1.000.000đ.

- Thời gian trả lãi: 07 tháng.

- Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: = (Tiền gốc : 12 tháng) x 7 x 20% = (1.000.000đ : 12) x 7 x 20% = 116.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 2.100.000đ –116.666đ = 1.983.333đ.

16. Phạm Quốc Kiên vay tiền 05 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 18/03/2023 vay của Tr 500.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho K 350.000đ, cắt lãi tháng đầu tiền 150.000đ.

Đối với khoản vay này trong tháng 03/2023 K đã trả hết tiền gốc cho Trung. Trong đó tiền lãi đã trả là 150.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 1 x 20% = 8.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 150.000đ – 8.3333đ = 141.667đ.

- Lần vay 2: Ngày 27/03/2023 vay của Tr 500.000đ. Sau đó Tr chuyển cho K 350.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 150.000đ.

Đối với khoản vay này trong tháng 03/2023 K đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 50.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 1 x 20% = 8.334đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 150.000đ – 8.3333đ = 141.666đ.

- Lần vay 3: Ngày 01/4/2023 vay của Trung 500.000đ với lãi suất và trả chậm sẽ bị phạt như 02 lần vay trên. Sau đó Tr chuyển cho K 350.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 150.000đ.

Đối với khoản vay này đến ngày 23/7/2023 K đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 600.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 04 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 4 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 4 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.3333đ = 566.667đ.

- Lần vay 4: Ngày 06/04/2023 vay của Tr 500.000đ. Sau đó Tr chuyển cho K 350.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 150.000đ.

Đối với khoản vay này đến ngày 23/7/2023 K đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 600.000đ và 50.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 04 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 4 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 4 x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ - 33.3333đ = 566.667đ.

- Lần vay 5: Tháng 08/2023 vay của Tr 1.000.000đ. Sau đó Tr chuyển cho K 1.000.000đ.

Đối với khoản vay này K chưa trả gốc và đã trả lãi đến 27/9/2023 cho Tr. Tổng cộng số tiền K đã trả lãi là 250.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 16.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 250.000đ – 16.666đ = 233.333đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Phạm Quốc Kn:

- Hiện Phạm Quốc K đang còn vay của Tr số tiền gốc là 1.000.000đ.

- Tổng tiền lãi đã trả là 1.750.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: 8.333đ + 8.33đ + 33.334đ + 33.333đ + 16,667đ = 100.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 141.667đ + 141.667đ + 566.666đ + 566.667đ + 233.333đ = 1.650.000đ.

- Tiền phạt do trả lãi chậm là 50.000đ.

17. Vi Dương Đình S vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 12/4/2023 vay của Tạ Văn Th số tiền 5.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 1.200.000/tháng *(tương đương 288%/năm)*. Sau đó Th chuyển cho S 3.800.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 1.200.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 10/5/2023 S đã trả hết tiền gốc cho Th. Trong đó tiền lãi đã trả là 1.200.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (5.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 83.333đ

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.200.000đ –83.333đ = 1.166.667đ.

- Lần vay 2: Ngày 23/5/2023 vay của Th số tiền 5.000.000đ. Sau đó Th chuyển cho S 3.800.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 1.200.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 24/6/2023, S đã trả hết tiền gốc cho Th. Trong đó tiền lãi đã trả là 1.200.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 01 tháng

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (5.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 83.333đ .

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.200.000đ –83.333đ = 1.166.667đ.

- Lần vay 3: Ngày 17/7/2023 vay của Th số tiền 5.000.000đ với lãi suất và trả chậm sẽ bị phạt như 2 lần vay trên. Sau đó Th chuyển cho S 3.800.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 1.200.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 19/9/2023 S đã trả hết tiền gốc cho Th. Trong đó tiền lãi đã trả là 2.400.000đ*;* tiền phạt do trả lãi chậm là 100.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 02 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (5.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 166.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 2.400.000đ –166.667đ = 2.233.333đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Vi Dương Đình S:

- Hiện Vi Dương Đình S đã trả hết nợ cho Th.

- Tổng tiền lãi đã trả là 4.800.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: 83.333đ + 83.333đ + 166.667đ = 333.333đ.

- Tổng tiền lãi tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.116.667đ + 1.116.667đ + 2.233.333đ = 4.466.667đ.

- Tiền phạt là 100.000đ.

18. Lò Văn V vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 21/4/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho V 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 30/5/2023 V đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 600.000đ và 50.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 02 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 33,333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.333đ = 566.667đ.

- Lần vay 2: Ngày 24/4/2023 vay của Tr số tiền 500.000đ. Sau đó Tr chuyển cho V 350.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 150.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 30/5/2023 V đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 300.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 02 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 2 x 20% = 16,667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 300.000đ – 16.666đ = 283,333đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lò Văn V:

- Hiện Lò Văn V đã trả hết nợ.
- Tổng tiền lãi đã trả là 900.000đ.
- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: 33.333đ + 16.667đ = 50.000đ.
- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 566,667 + 283,333đ = 850.000đ.
- Tiền phạt là 50.000đ.

19. Lương Thị Quỳnh Nh vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 03/4/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Nh 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 23/5/2023 Nh đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 300.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 16.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 300.000đ – 16.667đ = 283.333đ.

- Lần vay 2: Ngày 24/4/2023 vay của Tr số tiền 2.000.000đ. Sau đó Tr chuyển cho Nh 1.400.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 600.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 23/5/2023 Nh đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 600.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian vay: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 1x 20% = 33.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 600.000đ – 33.333đ = 566.667đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lương Thị Quỳnh Nh:

- Hiện Lương Thị Quỳnh Nh đã trả hết nợ.

- Tổng tiền lãi đã trả là 900.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: 33.333đ + 66.667đ = 50.000đ.

- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 566.667đ + 283.333đ = 850.000đ

20. Lê Thị Ch vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 16/4/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Ch 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 19/8/2023 Ch đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 1.300.000đ và 10.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 05 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 5 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 5 x 20% = 83.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.300.000đ – 83.333đ = 1.216.667đ.

- Lần vay 2: Tháng 7/2023 vay của Tr số tiền 2.000.000đ. Sau đó Tr chuyển cho Ch 1.400.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 600.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 19/8/2023 Ch đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 1.200.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 02 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 2 x 20% = 66.667đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.200.000đ –66.667đ = 1.133.333đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Thị Ch:

- Tổng tiền lãi đã trả là 2.500.000đ.

- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao theo quy định: 83.333đ + 66.667đ = 150.000đ.

- Tổng tiền tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.216.667đ + 1.133.333đ = 2.350.000đ.

- Tiền phạt là 10.000đ.

21. Lê Thị Duy T vay tiền 01 lần, cụ thể như sau: Ngày 28/4/2023 vay của Tr số tiền 500.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho T 350.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 150.000đ.

Đối với khoản vay này T chưa trả hết tiền gốc cho Tr. Tính đến ngày 28/9/2023 tổng cộng số tiền T đã trả lãi là 900.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Thị Duy T:

Thời gian trả lãi: 06 tháng

- Hiện Lê Thị Duy T chưa trả gốc cho Tr, số tiền gốc đã vay là 500.000đ.
- Tổng tiền lãi đã trả là 900.000 đồng.
- Tổng cộng Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc : 12 tháng) x 6 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 6 x 20% = 50.000đ.
- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ – 50.000đ = 850.000đ.

22. Nguyễn Khánh H vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Tháng 05/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho H 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 8/2023 H đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi là 1.200.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Nguyễn Khánh H:

- Thời gian trả lãi: 04 tháng.
- Hiện Nguyễn Khánh H đã trả gốc cho Tr.
- Tiền lãi đã trả là 1.200.000đ.
- Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 4 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 4 x 20% = 66.667đ.
- Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 1.200.000đ – 66.667đ = 1.133.333đ.

23. Bùi Đại L vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 22/5/2023 vay của Tr số tiền 6.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 1.500.000đ/tháng *(tương đương 250%/năm)*. Sau đó Tr chuyển cho L 4.500.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 1.500.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 22/7/2023 L đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 3.000.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Bùi Đại L:

- Thời gian trả lãi: 02 tháng
- Hiện Bùi Đại L đã trả gốc cho Tr.
- Tiền lãi đã trả là 3.000.000đ
- Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (6.000.000đ : 12) x 2x 20% = 200.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 3.000.000đ – 200.000đ = 2.800.000đ.

24. Lê Thị Phương Th2 vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 04/5/2023 vay của Tr số tiền 2.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Th2 số tiền 1.400.000 đồng, cắt lãi tháng đầu tiên 600.000đ.

Đối với khoản vay này Th2 chưa trả gốc cho Tr. Tính đến ngày 05/11/2023 Th2 đã trả Tr số tiền lãi là 4.000.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Thị Phương Th2:

- Thời gian trả lãi: 07 tháng.

- Hiện Lê Thị Phương Th2 chưa trả gốc cho Tr, số tiền gốc đã vay là 2.000.000đ.

- Tiền lãi đã trả là 4.000.000đ.

- Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 7 tháng x 20% = (2.000.000đ : 12) x 7 x 20% = 233.333đ.

- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 4.000.000đ – 233.333đ = 3.766.667đ.

25. Họ và tên: Lê Đức A vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 03/5/2023 vay của Tr số tiền 500.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Đức A số tiền 350.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 150.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 10/6/2023 Đức A đã trả hết tiền gốc cho Tr. Tổng cộng số tiền lãi là 300.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Đức A:

- Thời gian trả lãi: 02 tháng.

- Hiện Lê Đúc A đã trả gốc cho Tr.

- Tiền lãi đã trả là 300.000đ.

- Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 2 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 2 x 20% = 16.667đ.

- Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 300.000đ – 16.667đ = 283.333đ.

26. Vi Thị Tương H vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

- Lần vay 1: Ngày 13/5/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho H 700.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 300.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 28/8/2023 H đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi đã trả là 900.000đ và 160.000đ tiền phạt do trả lãi chậm.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian trả lãi: 03 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 3x 20% = 50.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ – 50.000đ = 850.000đ.

- Lần vay 2: Ngày 06/10/2023 vay của Tr số tiền 500.000đ. Sau đó Tr chuyển cho H 400.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 100.000đ.

Đối với khoản vay này H chưa trả tiền gốc cho Tr, tiền lãi đã trả là 100.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian vay: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 1 x 20% = 8.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 100.000đ – 8.3333đ = 91.667đ.

- Lần vay 3: Ngày 08/10/2023 vay của Tr số tiền 500.000đ với lãi suất thỏa thuận 200.000đ/triệu/tháng *(tương đương 200%/năm)*. Sau đó Tr chuyển cho H 400.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 100.000đ.

Đối với khoản vay này H chưa trả tiền gốc cho Tr, tiền lãi đã trả là 100.000đ.

Tiền lãi suất khoản vay: Thời gian vay: 01 tháng.

+ Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 1 x 20% = 8.333đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 100.000đ – 8.3333đ = 91.667đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Vi Thị Tương H:

- Hiện Vi Thị Tương H đang còn vay gốc của Tr 1.000.000đ.
- Tổng tiền lãi đã trả là 1.100.000đ.
- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: 50.000đ + 8.333đ + 8.333đ = 83.333đ.
- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 850.000đ + 83.333đ + 83.333đ = 1.033.334đ.
- Tiền phạt là 160.000đ.

27. Họ và tên: Hoàng Huy Nh vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 28/6/2023 vay của Tr số tiền 3.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Nh số tiền 2.100.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên là 900.000đ.

Đối với khoản vay này ngày 06/8/2023 Nh đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi là 900.000đ và 100.000đ tiền phạt trả lãi chậm.

Như vậy đối với các khoản vay của Hoàng Huy Nh:

- Thời gian trả lãi: 01 tháng.
- Hiện Nh đã trả gốc cho Tr.
- Tiền lãi đã trả là 900.000đ.
- Tiền phạt: 100.000đ
- Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (3.000.000đ : 12) x 1x 20% = 50.000đ.

+ Tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ – 50.000đ = 850.000đ.

28. Phạm Văn D vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 15/6/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho Nh số tiền 1.000.000đ, không cắt lãi tháng đầu tiên .

Đối với khoản vay này tháng 9/2023 D đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó tiền lãi là 900.000đ và tiền phạt là 100.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Phạm Văn D:

- Thời gian trả lãi: 03 tháng.
- Hiện Dương đã trả gốc cho Tr.
- Tổng tiền lãi đã trả là 900.000đ.
- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc : 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 3 x 20% = 50.000đ.
- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 900.000đ – 50.000đ = 850.000đ.
- Tiền phạt là 100.000đ

29. Lê Anh K vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 27/6/2023 vay của Tr số tiền 2.500.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho K số tiền 1.750.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 750.000đ.

Đối với khoản vay này tháng 9/2023 Kiệt đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó 2.250.000đ tiền lãi.

Như vậy đối với các khoản vay của Lê Anh K:

- Thời gian trả lãi: 03 tháng.
- Hiện K đã trả gốc cho Tr.
- Tổng tiền lãi đã trả là 2.250.000đ
- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc: 12 tháng) x 3 tháng x 20% = (2.500.000đ : 12) x 3x 20% = 125.000đ.
- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 2.250.000đ – 125.000đ = 2.125.000đ.

30. Phạm Ngọc V vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 06/9/2023 vay của Tr số tiền 500.000đ với lãi suất thỏa thuận 200.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho V số tiền 400.000đ, cắt lãi tháng đầu tiên 100.000đ.

Đối với khoản vay này V chưa trả hết tiền gốc cho Tr, tiền lãi đã trả là 100.000đ.

Như vậy đối với các khoản vay của Phạm Ngọc V:

- Thời gian vay: 01 tháng
- Hiện V chưa trả gốc cho Tr, số tiền gốc đã vay là 500.000đ.
- Tổng tiền lãi đã trả là 100.000đ.
- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc : 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (500.000đ : 12) x 1 x 20% = 8.333đ.
- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 100.000đ – 8.333đ = 91.667đ.

31. Phạm Thanh L vay tiền 01 lần, cụ thể như sau:

Ngày 23/9/2023 vay của Tr số tiền 1.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 300.000đ/triệu/tháng. Sau đó Tr chuyển cho L số tiền 1.000.000đ, không cắt lãi tháng đầu tiên.

Đối với khoản vay này tháng 10/2023, L đã trả hết tiền gốc cho Tr. Trong đó 300.000đ tiền lãi.

Như vậy đối với các khoản vay của Phạm Thanh L:

- Thời gian vay: 01 tháng
- Hiện Lâm đã trả gốc cho Tr, số tiền gốc đã vay là 1.000.000đ.
- Tổng tiền lãi đã trả là 300.000đ.
- Tổng cộng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định: (Tiền gốc : 12 tháng) x 1 tháng x 20% = (1.000.000đ : 12) x 1 x 20% = 16.667đ.
- Tổng tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định: 300.000đ – 16.667đ = 283.333đ.

Tổng số tiền các bị cáo ghi trong sổ sách là 133.900.000đ, số tiền thực tế người vay nhận được sau khi đã bị thu lãi tháng đầu tiên là 104.400.000đ. Trong 31 người vay/68 lượt vay, đã có 25 người vay/50 lượt vay trả số tiền gốc 114.900.000đ. Còn

lại 12 người vay/18 lượt vay chưa trả với số tiền gốc vay là 19.000.000đ. Tổng số tiền lãi Th, Tr đã thu được của những người vay là 83.250.000đ, gồm: 5.803.332đ tiền lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự và 77.446.668đ tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền người vay trả gốc và lãi Tr thu được đều đưa hết cho Th cất giữ để kiểm soát.

Trong 31 người vay, ngày 15/8/2023 Th trực tiếp cho Lê Văn L vay 2.000.000đ, thu luôn 600.000đ tiền lãi tháng 8, L nhận số tiền vay 1.4000.000đ. Đến tháng 9/2023 Th thu của L 600.000đ tiền lãi. Tổng số tiền lãi Th thu của L là 1.200.000đ. Khoản vay này Th không thông báo cho Tr biết. Do đó, Tr không phải chịu trách nhiệm đối với số tiền mà Th đã cho L cho vay nêu trên.

Như vậy, từ tháng 11/2022 đến tháng 11/2023 Th bỏ ra số tiền gốc để cho vay là 37.410.000đ, thu lợi bất chính 77.446.668đ. Quá trình điều tra Th và Tr đã khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 (Một) điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy Iphone Xs, số IMEI 1: 357205098645009; số IMEI 2: 357205099108932) của Hoàng Đức Tr; 01 (Một) điện thoại di động màu vàng đồng, nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy Iphone 6s Plus, số IMEI 358610073413027; số MEID 35861007341302 của Tạ Văn Th.

Tại Bản cáo trạng số: 06/CT-VKS-HS ngày 03/4/2024 Viện kiểm sát (VKS) nhân dân huyện Lang Chánh đã truy tố các bị cáo Tạ Văn Th và Hoàng Đức Tr về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của của mình đúng như nội dung Cáo trạng VKS truy tố.

Đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

***** Tuyên bố bị cáo Tạ Văn Th phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 17; Điều 36; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Th từ 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức Tr phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 17; Điều 36; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91 và Điều 100 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tr từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu và lời khai của các bị cáo cho thấy các bị cáo thường ngày làm lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và có điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

*** Về biện pháp tư pháp:**

Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 123, Điều 131; Điều 468 Bộ Luật dân sự.

- **Về xử lý vật chứng:** Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với : 01 điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy Iphone Xs của Hoàng Đức Tr; 01 điện thoại di động màu vàng đồng, nhãn hiệu Iphone, tên kiểu

máy Iphone 6 Plus của Tạ Văn Th. Đây là phương tiện mà Th và Tr dùng để liên hệ trong quá trình cho vay.

- Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước và thu để trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

+ Đối với số tiền gốc 37.410.000đ, trong đó còn 19.000.000 đồng với 12 người vay/18 lượt vay chưa trả. Đây là số tiền mà Th bỏ ra để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước. Như vậy, số tiền Th phải nộp lại là 37.410.000đ - 19.000.000đ = 18.410.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 12 người vay chưa trả tiền gốc đã vay cho Th, buộc 12 người vay này phải nộp lại số tiền 19.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước, gồm:

(1) Lê Văn Q: 3.000.000 đồng;
(2) Lê Văn L: 2.000.000 đồng;
(3) Vi Đăng H: 1.000.000 đồng;
(4) Phạm Minh Q: 3.000.000 đồng;
(5) Ngân Thị C: 2.000.000 đồng;
(6) Lê Anh Tr: 2.000.000 đồng;
(7) Lò Thị Huyền Th: 1.000.000 đồng;
(8) Phạm Quốc K: 1.000.000 đồng;
(9) Lê Thị Duy T: 500.000 đồng;
(10) Lê Thị Phương Th1: 2.000.000 đồng;
(11) Vi Thị Tương H: 1.000.000 đồng;
(12) Phạm Ngọc V: 500.000 đồng.

+ Đối với tiền lãi 83.250.000đ thu được của những người vay, gồm: 5.803.332đ tiền lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS và 77.446.668đ tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS Tr đã đưa lại cho Th. Do đó:

Buộc Th phải nộp lại số tiền 5.803.332đ tiền lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 77.446.668đ, Trong đó: Th đã trích ra để trả công cho Tr 2.000.000đ/tháng. Thời gian Tr làm cho Th là 12 tháng nên số tiền trả công cho Tr là 2.000.000đ x 12 tháng = 24.000.000đ. Do đó, số tiền còn lại sau khi Th trả công cho Tr là 77.446.668đ - 24.000.000đ = 53.446.668đ. Vì vậy, buộc Hoàng Đức Tr phải nộp lại 24.000.000đ để trả lại cho những người vay và số tiền Th phải nộp lại để trả lại cho những người vay là 53.446.668đ.

Cụ thể, số tiền 77.446.668đ trả cho người người vay gồm:

(1) Lê Văn Q: 5.100.000 đồng;
(2) Lê Văn L: 9.266.668 đồng;
(3) Vi Đăng H: 283.333 đồng;
(4) Hoàng Tuấn V: 12.400.000 đồng;
(5) Phạm Minh Q: 3.000.000 đồng;
(6) Phạm Công Th: 2.333.333 đồng;.
(7) Ngân Thị C: 4.150.000 đồng;
(8) Phạm Thị Huyền Th: 1.275.000 đồng;

(9) Lê Thị Phương Th1: 283.333 đồng;
(10) Lê Anh Tr: 3.683.334 đồng;
(11) Lương Anh S: 3.683.333 đồng;
(12) Vi Thị Thu Ph: 3.316.667 đồng;
(13) Phạm Minh Kh: 850.000 đồng;
(14) Trương Châu A: 1.605.000 đồng;
(15) Lò Thị Huyền Th: 1.983.333 đồng;
(16) Phạm Quốc K: 1.650.000 đồng;
(17) Vi Dương Đình S: 4.466.667 đồng;
(18) Lò Văn V: 850.000 đồng;
(19) Lương Thị Quỳnh Nh: 850.000 đồng;
(20) Lê Thị Ch: 2.350.000 đồng;
(21) Lê Thị Duy T; 850.000 đồng;
(22) Nguyễn Khánh H: 1.133.333 đồng;
(23) Bùi Đại L: 2.800.000 đồng;
(24) Lê Thị Phương Th2: 3.766.667 đồng;
(25) Lê Đức A: 283.333 đồng;
(26) Vi Thị Tương H: 1.033.334 đồng.
(27) Hoàng Huy Nh: 850.000 đồng;
(28) Phạm Văn D: 850.000 đồng;
(29) Lê Anh K: 2.125.000 đồng;
(30) Phạm Ngọc V: 91.667 đồng;
(31) Phạm Thanh L: 283.333 đồng.

+ Đối với số tiền phạt lãi chậm mà Th, Tr đã thu của người vay 2.920.000đ, số tiền này do Th cất giữ. Đây là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội của Th, Tr nên buộc Th nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền liên đới Th, Tr phải nộp là:

(+) Thanh phải nộp lại tổng số tiền: 80.580.000đ, gồm: 18.410.000đ tiền gốc cho vay; 5.803.332đ tiền lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS; 53.446.668đ tiền lãi vượt quá quy định để trả cho những người vay và 2.920.000đ tiền phạt lãi chậm đã thu của người vay.

(+) Trung phải nộp lại 24.000.000đ để trả lại cho những người vay.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miền, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Tạ Văn Th và Hoàng Đức Tr mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; Lời nói sau cùng, bị cáo Th không có ý kiến gì, bị cáo Tr đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, HĐXX đủ cơ sở kết luận:

Với động cơ thu lợi bất chính bằng việc cho vay tiền với lãi suất cao. Từ tháng 11/2022 đến tháng 11/2023, Tạ Văn Th và Hoàng Đức Tr đã cho 31 người vay/68 lượt vay, với tổng số tiền gốc 37.410.000đ (trong đó, Th, Tr chịu trách nhiệm với số tiền 35.410.000đ; Th chịu thêm số tiền 2.000.000đ cho Lê Văn L vay ngày 15/8/2023). Lãi suất cho vay dao động từ 144% - 360%/năm vượt từ 7,2 lần đến 18 lần mức lãi suất tối đa 20% theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thu lợi bất chính 77.446.668đ (trong đó, Tr và Th chịu trách nhiệm đối với số tiền lãi 76.246.668đ; riêng Th phải chịu trách nhiệm thêm với số tiền lãi 1.200.000đ đã thu của L đối với khoản tiền cho vay ngày 15/8/2023). Hành vi của Th và Tr có đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của VKSND huyện Lang Chánh truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Th là người trực tiếp huy động vốn, cung cấp tiền nên có vai trò khởi xướng. Bị cáo Tr là người trực tiếp liên hệ, giao dịch với người đi vay, trực tiếp đi thu tiền và ghi chép sổ sách. Do đó, bị cáo Th có vị trí, vai trò cao hơn bị cáo Tr.

[4]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- Bị cáo Th có nhân thân xấu, ngày 25/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình, xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Th là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Tr thực hiện hành vi phạm tội khi Trung chưa đủ 18 tuổi nên phải áp dụng tình tiết tăng

nặng TNHS "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Bị cáo Tr có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

[5]. Về hình phạt: Từ những phân tích đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy các các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cho vay với số tiền không lớn, việc cho vay là tự phát và vì lợi ích trước mắt. Ngoài ra, bị cáo Tr thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, bị rủ rê, lôi kéo. Do vậy, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp. Đồng thời giao các bị cáo cho UBND thị trấn L quản lý, giáo dục cũng để các bị cáo cải tạo tốt và trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Th là người khởi xướng, trực tiếp huy động vốn, cung cấp tiền cho vay mà còn rủ người dưới 18 tuổi phạm tội, thu lãi cao làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn nhằm mục đích vụ lợi. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, nhất là đối với loại tội phạm này, cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Th là phù hợp. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tr và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo là phù hợp.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 37.410.000 đồng, trong đó còn 19.000.000 đồng với 12 người vay/18 lượt vay chưa trả. Đây là số tiền mà Tạ Văn Th bỏ ra để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước. Như vậy, số tiền Th phải nộp lại là 37.410.000đ - 19.000.000đ = 18.410.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 12 người vay chưa trả tiền gốc đã vay cho Th nên buộc những người vay này phải nộp lại số tiền 19.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, gồm:

(1) Lê Văn Q: 3.000.000 đồng;
(2) Lê Văn L: 2.000.000 đồng;
(3) Vi Đăng H: 1.000.000 đồng;
(4) Phạm Minh Q: 3.000.000 đồng;
(5) Ngân Thị C: 2.000.000 đồng;
(6) Lê Anh Tr: 2.000.000 đồng;
(7) Lò Thị Huyền Th: 1.000.000 đồng;
(8) Phạm Quốc K: 1.000.000 đồng;
(9) Lê Thị Duy T: 500.000 đồng;
(10) Lê Thị Phương Th1: 2.000.000 đồng;
(11) Vi Thị Tương H: 1.000.000 đồng;
(12) Phạm Ngọc V: 500.000 đồng.

- Đối với tổng số tiền lãi 83.250.000đ thu được của những người vay, gồm: 5.803.332đ tiền lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS và 77.446.668đ tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS Tr đã đưa lại cho Th.

Do đó, buộc Th phải nộp lại số tiền 5.803.332đ tiền lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 77.446.668đ, Trong đó: Th đã trích ra để trả công cho Tr 2.000.000đ/tháng. Thời gian Tr làm cho Th là 12 tháng nên số tiền trả công cho Tr là 2.000.000đ x 12 tháng = 24.000.000đ. Do đó, số tiền còn lại sau khi Th trả công cho Tr là 77.446.668đ - 24.000.000đ = 53.446.668đ. Vì vậy, buộc Hoàng Đức Tr phải nộp lại 24.000.000đ để trả lại cho những người vay và số tiền Th phải nộp lại để trả lại cho những người vay là 53.446.668đ.

Cụ thể, số tiền 77.446.668đ trả cho người người vay gồm:

(1) Lê Văn Q: 5.100.000đ;
(2) Lê Văn L: 9.266.668đ;
(3) Vi Đăng H: 283.333đ;
(4) Hoàng Tuấn V: 12.400.000đ;
(5) Phạm Minh Q: 3.000.000đ;
(6) Phạm Công Th: 2.333.333đ;.
(7) Ngân Thị C: 4.150.000 đồng;
(8) Phạm Thị Huyền Th: 1.275.000đ;
(9) Lê Thị Phương Th1: 283.33đ;
(10) Lê Anh Tr: 3.683.334đ;
(11) Lương Anh S: 3.683.333đ;
(12) Vi Thị Thu Ph: 3.316.667đ;
(13) Phạm Minh Kh: 850.000đ;
(14) Trương Châu A: 1.605.000đ;
(15) Lò Thị Huyền Th: 1.983.333đ;
(16) Phạm Quốc K: 1.650.000đ;
(17) Vi Dương Đình S: 4.466.667đ;
(18) Lò Văn V: 850.000đ;
(19) Lương Thị Quỳnh Nh: 850.000đ;
(20) Lê Thị Ch: 2.350.00đ;
(21) Lê Thị Duy T; 850.000đ;
(22) Nguyễn Khánh H: 1.133.333đ;
(23) Bùi Đại L: 2.800.000 đồng;
(24) Lê Thị Phương Th2: 3.766.667đ;
(25) Lê Đức A: 283.333đ;
(26) Vi Thị Tương H: 1.033.334đ;
(27) Hoàng Huy Nh: 850.000đ;
(28) Phạm Văn D: 850.000đ;
(29) Lê Anh K: 2.125.000đ;
(30) Phạm Ngọc V: 91.667đ;
(31) Phạm Thanh L: 283.333đ.

- Đối với số tiền phạt lãi chậm mà Th, Tr đã thu của người vay là 2.920.000đ, số tiền này do Th cất giữ. Đây là số tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên buộc Th nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

*** Như vậy, tổng số tiền liên đới Th, Tr phải nộp là:**

- Th phải nộp lại tổng số tiền: 80.580.000 đồng, gồm: 18.410.000 đồng tiền gốc cho vay; 5.803.332 đồng tiền lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự; 53.446.668 đồng tiền lãi vượt quá quy định để trả cho những người vay và 2.920.000 đồng tiền phạt lãi chậm đã thu của người vay.

- Tr phải nộp lại 24.000.000 đồng để trả lại cho những người vay.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy Iphone Xs, số IMEI 1: 357205098645009; số IMEI 2: 357205099108932) của Hoàng Đức Tr;

- 01 (Một) điện thoại di động màu vàng đồng, nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy Iphone 6s Plus, số IMEI 358610073413027; số MEID 35861007341302 của Tạ Văn Th.

Cả hai chiếc điện thoại trên các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

[8]. Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Đối với Lê Văn S và Phạm Văn Q là bạn bè nên khi được rủ đi 01 - 02 lần nhưng Sơn, Quốc không biết Th, Tr đi thu tiền nợ của người vay, không biết người bị thu nợ, không nhận được cho lợi ích gì từ việc đi thu tiền nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Lang Chánh không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với S, Q là phù hợp.

Đối với số tài khoản 0914181700, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng MB) do Phạm Tống Đức Anh đứng tên chủ tài khoản. Sau khi mở tài khoản Đức A không sử dụng mà cho Hoàng Đức Tr mượn để sử dụng. Việc Tr dùng số tài khoản này để thực hiện hành vi phạm tội Đức A không biết và không được hưởng lợi trong việc cho vay lãi nặng của Th, Tr. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lang Chánh không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Tống Đức A là phù hợp.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 17; Điều 36; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 của BLHS đối với bị cáo Tạ Văn Th.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 100 của BLHS đối với bị cáo Hoàng Đức Tr.

*** Tuyên bố**: Các bị cáo Tạ Văn Th và Hoàng Đức Tr phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

*** Xử phạt:**

- Bị cáo Tạ Văn Th 22 (Hai mươi hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 (Chín) ngày do đã bị tạm giữ 03 (Ba) ngày. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Bị cáo Hoàng Đức Tr 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được

trừ 09 (Chín) ngày do đã bị tạm giữ 03 (Ba) ngày. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nhận được Quyết định thi hành án. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ giao bị cáo Tạ Văn Th và Hoàng Đức Tr cho UBND thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

*** Về hình phạt bổ sung:** Phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo Tạ Văn Th 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

*** Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 47, Điều 48 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 123, Điều 131; Điều 468 BLDS.

- Buộc Tạ Văn Th phải nộp lại số tiền để sung vào ngân sách Nhà nước gồm:

+ Số tiền 18.410.000đ (Mười tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng) tiền gốc dùng để cho vay.

+ Số tiền 5.803.332đ (Năm triệu tám trăm lẻ ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng) làm tròn 5.803.000đ (Năm triệu tám trăm lẻ ba nghìn nghìn đồng) tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS đã thu của người vay.

+ Số tiền 2.920.000đ (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền phạt lãi chậm đã thu của người vay là khoản thu bất hợp pháp.

Tổng cộng số tiền Tạ Văn Th phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước là: 18.410.000đ + 5.803.000đ + 2.920.000đ = 27.133.000đ (Hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Buộc 12 người vay chưa trả tiền gốc đã vay cho Th nên những người vay này phải nộp lại tổng số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước, gồm:

(1) Lê Văn Q: 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

(2) Lê Văn L: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

(3) Vi Đăng H: 1.000.000đ (Một triệu đồng);

(4) Phạm Minh Q: 3.000.000 (Ba triệu đồng);

(5) Ngân Thị C: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

(6) Lê Anh Tr: 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

(7) Lò Thị Huyền Th: 1.000.000đ (Một triệu đồng);

(8) Phạm Quốc K: 1.000.000đ (Một triệu đồng);

(9) Lê Thị Duy T: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng);

(10) Lê Thị Phương Th2: 2.000.000đ (Hai triệu đồng), (Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa);

(11) Vi Thị Tương H: 1.000.000 đồng;

(12) Phạm Ngọc V: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Buộc Tạ Văn Th nộp lại tiền 53.446.668đ làm tròn 53.447.000đ (Năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) và Hoàng Đức Tr nộp lại số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính để trả lại cho những người vay; cụ thể như sau: (Số tiền được làm tròn).

(1) Lê Văn Q 5.100.000 (Năm triệu một trăm nghìn đồng);

(2) Lê Văn L 9.267.000đ (Chín triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng);

(3) Vi Đăng H 283.000đ (Hai trăm tám mươi ba nghìn đồng);

(4) Hoàng Tuấn V 12.400.000đ (Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng);

(5) Phạm Minh Q 3.000.000đ (Ba triệu đồng);

(6) Phạm Công Th 2.333.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng);

(7) Ngân Thị C 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng);

(8) Phạm Thị Huyền Th 1.275.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

(9) Lê Thị Phương Th1 283.000đ (Hai trăm tám mươi ba nghìn đồng), (Địa chỉ: Khu phố Ch, thị trấn L, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa);

(10) Lê Anh Tr 3.683.000đ (Ba triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng);

(11) Lương Anh S 3.683.000đ (Ba triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng);

(12) Vi Thị Thu Ph 3.317.000đ (Ba triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng);

(13) Phạm Minh Kh 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng);

(14) Trương Châu A 1.605.000đ (Một triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng);

(15) Lò Thị Huyền Th 1.983.000đ (Một triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng);

(16) Phạm Quốc K 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

(17) Vi Dương Đình S 4.467.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng);

(18) Lò Văn V 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng);

(19) Lương Thị Quỳnh Nh 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng);

(20) Lê Thị Ch 2.350.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);

(21) Lê Thị Duy T 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng);

(22) Nguyễn Khánh H 1.133.000đ (Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng);

(23) Bùi Đại L 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng);

(24) Lê Thị Phương Th2 3.767.000đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), (Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa);

(25) Lê Đức A 283.000đ (Hai trăm tám mươi ba nghìn đồng);

(26) Vi Thị Tương H 1.033.000đ (Một triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng);

(27) Hoàng Huy Nh 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng);

(28) Phạm Văn D 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng);

(29) Lê Anh K 2.125.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

(30) Phạm Ngọc V 92.000đ (Chín mươi hai nghìn đồng);

(31) Phạm Thanh L 283.000đ (Hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Tạ Văn Th, Hoàng Đức Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với:

+ 01 (Một) điện thoại di động Smartphone màu trắng, nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy Iphone Xs, số IMEI 1: 357205098645009; số IMEI 2: 357205099108932) của Hoàng Đức Tr;

+ 01 (Một) điện thoại di động Smartphone màu vàng đồng, nhãn hiệu Iphone, tên kiểu máy Iphone 6s Plus, số IMEI 358610073413027; số MEID 35861007341302 của Tạ Văn Th.

Số vật chứng trên đang được quản lý tại Chi cục THADS huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/4/2024.

*** Về án phí**: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Tạ Văn Th và Hoàng Đức Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

*** Về quyền kháng cáo**: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của BLTTHS.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Lang Chánh;
- Cơ quan THAHS Công an huyên Lang Chánh;
- Chi cục THADS huyện Lang Chánh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuân

- Lưu hồ sơ.